

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST

Ngày 16-10-2018

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng Dũng;

Bà Dương Xuân Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Tiên Danh – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Lê Thị Ánh T, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. có mặt

2. *Bị đơn:* anh Lý Văn P, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03-07-2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Ánh T trình bày: Chị và anh Lý Văn P chung sống vào năm 2003, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Y, huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P thường xuyên uống rượu về nhà gây gổ và đánh chị nhiều lần, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ly thân từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và thời gian ly thân đã lâu nên chị yêu cầu ly hôn

với anh Lý Văn P.

- Về con chung: Chị và anh P có hai con chung tên Lý Mạnh Ph, sinh ngày 06-6-2005 và Lý Thành C, sinh ngày 21-6-2010, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C, cháu Ph, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh P nợ Ngân hàng H – Phòng giao dịch huyện Bến Cầu số tiền 12.000.000 đồng. Ngoài ra, không còn nợ ai khác. Số tiền nợ ngân hàng 12.000.000 đồng, chị đã trả xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lý Văn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng anh P vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T đối với anh P. Về án phí, chị T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại Phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị Ánh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết ly hôn với anh Lý Văn P, anh P có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý, giải quyết là đúng theo qui định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, anh P đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng anh P vắng mặt không có lý do nên áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P. Anh P phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo qui định tại các Điều 6, Điều 72 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ánh T và anh Lý Văn P kết hôn vào năm 2003 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng, quá trình chung sống giữa chị T và anh P có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P thường xuyên uống rượu, không chăm sóc gia đình và có hành vi bạo lực gia đình, lời trình bày của chị T phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được. Mặt khác,

Tòa án triệu tập hòa giải nhưng anh P không đến cho thấy anh P không có thiện chí hàn gắn. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị T và anh P có hai con chung tên Lý Mạnh Ph, sinh ngày 06-6-2005 và Lý Thành C, sinh ngày 21-6-2010. Quá trình làm việc, cháu Ph có nguyện vọng sống với anh P, cháu C có nguyện vọng sống với chị T. Tuy nhiên, theo tài liệu, chứng cứ thu thập thể hiện anh P thường xuyên uống rượu và có hành vi bạo lực gia đình. Do đó, để đảm bảo về nhu cầu vật chất, tinh thần và quyền lợi của con chung nên giao cháu C, cháu Ph cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày tự thỏa thuận nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị Ánh T phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lý Văn P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ánh T đối với anh Lý Văn P. Chị T được ly hôn với anh P.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Ánh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Lý Thành C, sinh ngày 21-6-2010 và Lý Mạnh Ph, sinh ngày 06-6-2005. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở anh P thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: **0021521** ngày 03-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Lý Văn P không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Ánh T có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lý Văn P có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh

trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PÊN TOÀ**

Trang Thái Châu